

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Chí Vũ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc	Thành viên
Ông Trần Đắc Long	Thành viên
Ông Hồ Sỹ Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Công Đoàn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Đoàn	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sỹ Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2012

2027
HÌNH
DÒNG
NHIỆM
LỢI
ĐT
P. HÀ
TR H

Số: 1079/2012 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 23 tháng 3 năm 2011 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	
				(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.654.165.797	67.809.967.765
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.570.166.831	4.198.603.626
1. Tiền	111	6	2.570.166.831	4.198.603.626
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.412.801.102	52.926.370.695
1. Phải thu khách hàng	131		63.125.146.740	46.108.468.721
2. Trả trước cho người bán	132		400.770.100	6.517.370.100
3. Các khoản phải thu khác	135		1.308.259.262	1.348.956.874
4. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.421.375.000)	(1.048.425.000)
III. Hàng tồn kho	140	7	5.183.823.943	6.876.884.693
1. Hàng tồn kho	141		5.183.823.943	6.876.884.693
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.487.373.921	3.808.108.751
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		220.368.307	484.255.423
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.857.667	437.726
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		436.169.633	44.573.195
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.777.978.314	3.278.842.407
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.218.341.788	21.329.783.104
I. Tài sản cố định	220		12.999.328.609	17.452.848.471
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	12.999.328.609	17.452.848.471
- Nguyên giá	222		64.484.909.091	63.833.621.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.485.580.482)	(46.380.772.802)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	1.472.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	9	-	1.472.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.219.013.179	2.404.934.633
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		832.679.429	936.934.633
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	2.386.333.750	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	1.468.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		74.872.507.585	89.139.750.869

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
				(Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		42.440.756.877	43.130.315.730
I. Nợ ngắn hạn	310		38.173.556.877	39.262.789.961
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	1.400.000.000
2. Phải trả người bán	312		21.289.512.224	12.346.880.071
3. Người mua trả tiền trước	313		483.926.484	650.372.152
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	111.019.757	2.334.593.099
5. Phải trả người lao động	315		4.087.353.785	3.155.957.913
6. Chi phí phải trả	316	12	4.935.648.029	17.645.094.723
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	5.700.257.477	347.637.041
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.565.839.121	1.382.254.962
II. Nợ dài hạn	330		4.267.200.000	3.867.525.769
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	4.207.200.000	3.786.400.000
2. Phải trả dài hạn khác	333		60.000.000	60.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	21.125.769
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.431.750.708	46.009.435.139
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	32.431.750.708	46.009.435.139
1. Vốn cổ phần	411		27.682.210.000	27.682.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.739.082.602	3.739.082.602
3. Cổ phiếu quỹ	414		(515.226.000)	(515.226.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.081.393.353	320.394.033
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.172.981.307	7.172.981.307
6. Lũy kế/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6.728.690.554)	7.609.993.197
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		74.872.507.585	89.139.750.869



Hồ Sỹ Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2012

(Handwritten signature)
 Trần Đắc Long
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu gộp	01		75.981.391.400	88.094.849.642
2. Doanh thu thuần	10		75.981.391.400	88.094.849.642
3. Giá vốn dịch vụ	11		61.395.008.818	68.936.331.880
4. Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		14.586.382.582	19.158.517.762
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		463.104.500	965.727.698
6. Chi phí tài chính	22		564.739.759	371.372.191
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		143.939.759	172.193.000
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.421.602.473	9.950.088.633
8. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		(9.936.855.150)	9.802.784.636
9. Thu nhập khác	31		516.814.237	233.512.268
10. Chi phí khác	32		125.294.084	2.768.820
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		391.520.153	230.743.448
12. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(9.545.334.997)	10.033.528.084
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	-	2.484.716.501
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	10	(2.386.333.750)	-
15. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60	19	(7.159.001.247)	7.548.811.583
16. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(2.609)	3.210



Hồ Sỹ Dũng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 14 tháng 5 năm 2012

(Handwritten signature)
 Trần Đức Long
 Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010 (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(9.545.334.997)	10.033.528.084
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.371.110.323	5.598.860.201
Các khoản dự phòng	03	15.372.950.000	1.048.425.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	420.800.000	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(847.810.416)	(855.431.963)
Chi phí lãi vay	06	143.939.759	172.193.000
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.915.654.669	15.997.574.322
Biến động các khoản phải thu	09	(9.821.389.393)	(34.876.176.927)
Biến động hàng tồn kho	10	1.693.060.750	(4.011.918.462)
Biến động các khoản phải trả	11	(4.507.129.388)	23.254.189.172
Biến động chi phí trả trước	12	368.142.320	577.895.825
Tiền lãi vay đã trả	13	(143.939.759)	(172.193.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(875.327.624)	(2.542.381.517)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.486.856.700	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(746.585.025)	(1.159.151.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.630.656.750)	(2.932.161.647)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.042.884.545)	(1.580.631.862)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán mua tài sản cố định	22	510.000.000	-
3. Thu lãi tiền gửi	27	172.771.702	869.608.547
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.762.332.798	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.402.219.955	(711.023.315)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.000.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.400.000.000)	(1.400.000.000)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(2.058.236.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.400.000.000)	(3.458.236.000)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	(1.628.436.795)	(7.101.420.962)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.198.603.626	11.300.024.588
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.570.166.831	4.198.603.626



Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 5.488.514.000 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Hồ Sỹ Dũng
Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Đắc Long
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300463792 ngày 11 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003977 ngày 27 tháng 10 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh. Tiền thân của Công ty là doanh nghiệp nhà nước được chuyển sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 3257/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Giao thông Vận tải. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCoM thuộc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 30 tháng 3 năm 2010 với mã chứng khoán là STS. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) là cổ đông chính của công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 128 người (2010: 155 người).

Các chi nhánh trực thuộc Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn – Cảng Tân Thuận Đông.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn – Xí nghiệp Vận tải và Giao nhận.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn tại Hà Nội.

Hoạt động chính

Vận tải đa phương thức quốc tế; vận tải hàng hóa thông thường, hàng siêu trường, siêu trọng, vận tải hàng hóa bằng container, hàng hóa quá cảnh cho Lào, Campuchia và các nước trong khu vực. Vận tải đường thủy. Vận tải đường bộ, đường ống. Dịch vụ vận tải giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Kinh doanh khai thác cảng biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; hoạt động kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ vệ sinh tàu biển. Đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển và dịch vụ môi giới hàng hải. Mua bán vật tư thiết bị ngành giao thông vận tải. Đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; đào tạo, dạy nghề hướng nghiệp phục vụ xuất khẩu lao động. Kinh doanh các hoạt động phụ trợ cho vận tải. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Sản xuất, sửa chữa, gia công cơ khí, sản phẩm công nghiệp khác (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

4112
CHI
CỔ
ÁCHNH
DEL
VIỆT
(TP.
1/1 TR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 20.

4. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Công ty chưa ghi nhận chi phí vận chuyển đã hoàn thành nghiệm thu với nhà cung cấp dịch vụ vào chi sản xuất kinh doanh dở dang của năm 2010. Theo đó, khoản mục hàng tồn kho và chi phí phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bị trình bày thấp hơn thực tế 1.937.933.099 đồng. Vì vậy, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được trình bày lại theo yêu cầu của Chuẩn mực số 29 - *Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót*. Ảnh hưởng chi tiết của việc trình bày lại số liệu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Mã số	Số đã trình bày trước đây	Số trình bày lại	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Hàng tồn kho	141	4.938.951.594	6.876.884.693	1.937.933.099
Chi phí phải trả	316	15.707.161.624	17.645.094.723	1.937.933.099

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, phải thu khác, và ký quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, vay, nhận ký quỹ dài hạn và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí dịch vụ thuê ngoài để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị quản lý	3 - 5
Phương tiện vận tải	7 - 10

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thụ nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN		31/12/2011	31/12/2010
		<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
	Tiền mặt	857.037.870	1.126.509.777
	Tiền gửi ngân hàng	1.713.128.961	3.072.093.849
		<u>2.570.166.831</u>	<u>4.198.603.626</u>

7. HÀNG TỒN KHO		31/12/2011	31/12/2010
		<u>VNĐ</u>	(Trình bày lại) <u>VNĐ</u>
	Nguyên liệu, vật liệu	157.541.765	5.363.636
	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.026.282.178	6.871.521.057
		<u>5.183.823.943</u>	<u>6.876.884.693</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH		Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị quản lý	Phương tiện vận tải	Tổng
		<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ					
	Tại ngày 1/1/2011	35.357.589.504	586.366.241	27.889.665.528	63.833.621.273
	Tăng trong năm	945.140.909	97.743.636	-	1.042.884.545
	Thanh lý, nhượng bán	-	(25.578.727)	(366.018.000)	(391.596.727)
	Tại ngày 31/12/2011	<u>36.302.730.413</u>	<u>658.531.150</u>	<u>27.523.647.528</u>	<u>64.484.909.091</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
	Tại ngày 1/1/2011	28.465.039.496	432.363.940	17.483.369.366	46.380.772.802
	Khấu hao trong năm	2.684.203.837	62.935.553	2.623.970.933	5.371.110.323
	Thanh lý, nhượng bán	-	(25.578.727)	(240.723.916)	(266.302.643)
	Tại ngày 31/12/2011	<u>31.149.243.333</u>	<u>469.720.766</u>	<u>19.866.616.383</u>	<u>51.485.580.482</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
	Tại ngày 31/12/2011	<u>5.153.487.080</u>	<u>188.810.384</u>	<u>7.657.031.145</u>	<u>12.999.328.609</u>
	Tại ngày 31/12/2010	<u>6.892.550.008</u>	<u>154.002.301</u>	<u>10.406.296.162</u>	<u>17.452.848.471</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.833.956.051 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2010: 5.665.558.375 đồng).

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH KCTC Việt Nam cho Công ty Tư vấn và Liên kết Doanh nghiệp Việt với giá trị là 1.762.332.798 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng được ký ngày 28 tháng 2 năm 2011.

10. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm

	Chi phí phải trả VNĐ	Lỗi tính thuế VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	107.958.115	2.278.375.635	2.386.333.750
Tại ngày 31/12/2011	107.958.115	2.278.375.635	2.386.333.750

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản lỗi tính thuế là 9.113.502.538 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 0 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận cho toàn bộ khoản lỗi này. Khoản lỗi tính thuế sẽ hết hạn sau 5 năm kể từ năm liền kề sau năm phát sinh.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	71.762.244	1.879.041.263
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	454.471.421
Thuế thu nhập cá nhân	39.257.513	1.080.415
	111.019.757	2.334.593.099

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 (Trình bày lại) VNĐ
Trích trước chi phí công trình Phong Điện	280.000.000	14.621.666.667
Trích trước chi phí bốc xếp, nhiên liệu Cảng Tân Thuận Đông	177.626.748	85.860.791
Trích trước chi phí vận chuyển thiết bị công trình thủy điện Đồng Nai 4	1.937.933.099	1.937.933.099
Trích trước chi phí công trình thủy điện Nam Chiến	1.761.088.182	-
Trích trước chi phí lãi vay (thuyết minh số 22)	779.000.000	779.000.000
Chi phí phải trả khác	-	220.634.166
	4.935.648.029	17.645.094.723

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Việt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Cổ tức phải trả	5.524.537.900	30.297.308
Khác	175.719.577	317.339.733
	<u>5.700.257.477</u>	<u>347.637.041</u>

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay dài hạn	4.207.200.000	3.786.400.000
	<u>4.207.200.000</u>	<u>3.786.400.000</u>

Vay dài hạn thể hiện khoản vay 200.000 USD từ Công ty Yuan Cheng Holding Pte. Ltd theo Hợp đồng vay không số ngày 12 tháng 2 năm 1996 với mục đích mua 4 căn nhà trên đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia thành lập công ty liên doanh với bên cho vay. Khoản vay này không có thể chấp với lãi suất 4,8%/năm. Khoản vay này đang bị tranh chấp như được trình bày trong Thuyết minh số 22.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Công ty chi phát hành một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết về cổ đông và số cổ phần nắm giữ tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	<u>Tại 31/12/2011</u>		<u>Tại 31/12/2010</u>	
	Tỷ lệ %	<u>Số cổ phần</u>	Tỷ lệ %	<u>Số cổ phần</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	51,63	1.429.226	51,63	1.429.226
Các cổ đông khác	48,37	1.338.995	48,37	1.338.995
	<u>100</u>	<u>2.768.221</u>	<u>100</u>	<u>2.768.221</u>

11/20
CHI
CỔ
ÁCHNH
DEL
VIỆ
(TP.
VIỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Việt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lỗ lũy kế/ lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	20.822.000.000	5.166.010.000	(515.226.000)	2.978.677.011	6.283.856.854	6.894.190.144	41.629.508.009
Tăng vốn trong năm	6.860.210.000	(1.426.927.398)	-	(4.987.655.441)	-	(445.627.161)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.548.811.583	7.548.811.583
Phân phối quỹ trong năm	-	-	-	2.329.372.463	889.124.453	(4.329.145.369)	(1.110.648.453)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(2.058.236.000)	(2.058.236.000)
Tại ngày 31/12/2010	27.682.210.000	3.739.082.602	(515.226.000)	320.394.033	7.172.981.307	7.609.993.197	46.009.435.139
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(7.159.001.247)	(7.159.001.247)
Phân phối quỹ trong năm	-	-	-	760.999.320	-	(1.691.168.504)	(930.169.184)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.488.514.000)	(5.488.514.000)
Tại ngày 31/12/2011	27.682.210.000	3.739.082.602	(515.226.000)	1.081.393.353	7.172.981.307	(6.728.690.554)	32.431.750.708

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 7 năm 2011, các cổ đông Công ty đồng ý trích bổ sung các quỹ đầu tư phát triển là 760.999.320 đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi là 930.169.184 đồng và chia cổ tức là 5.488.514.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2010. Trong năm, Công ty đã thực hiện việc phân phối các quỹ và chia cổ tức như đã nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Việt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Cổ phiếu	31/12/2011	31/12/2010
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.768.221	2.768.221
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.768.221	2.768.221
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.768.221	2.768.221
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	23.964	23.964
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.964	23.964
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.744.257	2.744.257
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.744.257	2.744.257
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

16. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt trên hai lĩnh vực kinh doanh là vận tải và lĩnh vực kinh doanh cảng, kho bãi và cho thuê văn phòng. Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, hoặc lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong năm như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Hoạt động kinh doanh vận tải		
Doanh thu	45.746.549.882	55.677.612.796
Giá vốn	42.202.505.999	47.951.783.382
Lợi nhuận gộp	3.544.043.883	7.725.829.414

Hoạt động kinh doanh cảng, kho bãi và cho thuê văn phòng

Doanh thu	30.234.841.518	32.417.236.846
Giá vốn	19.192.502.819	20.984.548.498
Lợi nhuận gộp	11.042.338.699	11.432.688.348

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	488.551.381	254.772.739
Chi phí nhân công	12.690.855.791	12.875.907.471
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.371.110.323	5.598.860.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.285.140.726	63.389.420.403
Chi phí khác	16.073.647.290	1.028.787.264
	85.909.305.511	83.147.748.078

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Việt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(9.545.334.997)	10.033.528.084
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(94.662.080)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	431.832.459	-
Thu nhập chịu thuế	(9.113.502.538)	9.938.866.004
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.484.716.501

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm kết thúc 31/12/2011 <u>VNĐ</u>	Năm kết thúc 31/12/2010 <u>VNĐ</u>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán sau thuế	(7.159.001.247)	7.548.811.583
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.744.257	2.351.439
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.609)	3.210

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.570.166.831	4.198.603.626
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.012.031.002	46.409.000.595
Ký quỹ	-	1.486.856.700
Tổng cộng	50.582.197.833	52.094.460.921
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.207.200.000	5.186.400.000
Phải trả cho người bán và phải trả	26.989.769.701	12.694.517.112
Chi phí phải trả	4.935.648.029	17.645.094.723
Nhận ký quỹ dài hạn	60.000.000	60.000.000
Tổng cộng	36.192.617.730	35.586.011.835

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá và giá dịch vụ), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	4.207.200.000	3.786.400.000	10.567.668	19.388.829

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá dịch vụ

Công ty mua dịch vụ từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của dịch vụ cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Các khoản vay	-	4.207.200.000	4.207.200.000
Phải trả cho người bán và phải trả khác	26.989.769.701	-	26.989.769.701
Chi phí phải trả	4.935.648.029	-	4.935.648.029
Nhận ký quỹ dài hạn	-	60.000.000	60.000.000
31/12/2010	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Các khoản vay	1.400.000.000	3.786.400.000	5.186.400.000
Phải trả cho người bán và phải trả khác	12.694.517.112	-	12.694.517.112
Chi phí phải trả	17.645.094.723	-	17.645.094.723
Nhận ký quỹ dài hạn	-	60.000.000	60.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

19-21-23 Phạm Viêt Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.570.166.831	-	2.570.166.831
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.012.031.002	-	48.012.031.002
31/12/2010	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.198.603.626	-	4.198.603.626
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.409.000.595	-	46.409.000.595
Ký quỹ	-	1.486.856.700	1.486.856.700

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lương và các khoản phúc lợi khác	596.247.000	887.757.000

22. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Ngày 18 tháng 12 năm 2006, Công ty Yuan Cherng Holdings Pte Ltd. gửi đơn khởi kiện lên tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty thanh toán nợ vay 200.000 USD như được ghi nhận tại Thuyết minh số 14. Ngày 4 tháng 8 năm 2009, tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 93/2009/KDTM-PT quyết định Công ty có nghĩa vụ phải trả khoản nợ vay này và lãi phải trả 799.000.000 đồng cho Công ty Yuan Cherng Holdings Pte Ltd. Vào ngày 16 tháng 11 năm 2009, Công ty đã khởi kiện lại Yuan Cherng Holdings Pte Ltd. về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng liên doanh không đúng pháp luật. Tại ngày lập báo cáo tài chính Công ty vẫn chưa nhận được phán quyết của tòa về vụ án này.



Hồ Sỹ Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Đắc Long
Kế toán trưởng